

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 170/2022/DS-ST

Ngày 20-7-2022

V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Thành Quang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Văn Công Trọn**

2/ Ông **Nguyễn Trường Hận**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trịnh Nga Muội** – Thư ký viên, Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Huỳnh Trang** - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 165/2022/TLST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2022/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1/ Bà **Phạm Thị T**, sinh năm 1965 (Có mặt).

2/ Ông **Phan Văn D**, sinh năm 1967 (Xin vắng mặt).

Cùng trú: Ấp T, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau

- Bị đơn – Vắng mặt:

1/ Anh **Đặng Văn U**, sinh năm 1997.

2/ Chị **Hoàng Xuân M**, sinh năm 1987.

Cùng trú: Ấp T, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau

- Người làm chứng – Xin vắng mặt: Bà **Trần Thị G**, sinh năm 1978, trú: Ấp T, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà **Phạm Thị T** và ông **Phan Văn D** trình bày: Năm 2018, anh **Đặng Văn U** và chị **Hoàng Xuân M** hỏi mượn của nguyên đơn 36 chỉ vàng 24k và hứa

đến tháng 02/2019 âm trả theo Tờ giao kèo ngày 07/9/2018 âm. Nhưng đến nay đã quá thời hạn mượn, anh U và chị M vẫn chưa trả số vàng đã mượn của nguyên đơn. Nay, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu anh U và chị M trả cho nguyên đơn 36 chỉ vàng 24k.

Đối với bị đơn anh **Đặng Văn U** và chị **Hoàng Xuân M** vắng mặt, nhưng các văn bản tố tụng Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt, niêm yết đúng theo quy định của pháp luật.

***/ Ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát như sau:**

1/ Về tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Riêng, bị đơn vắng mặt và không hiện đúng các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự, không chấp hành đúng theo triệu tập của Tòa án.

2/ Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T và ông D, buộc anh U và chị M có trách nhiệm liên đới trả cho bà T và ông D 36 chỉ vàng 24k; Về án phí đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh U và chị M vắng mặt, nhưng tại Biên bản xác minh ngày 11/7/2022 (bút lục 54) đối với ông Nguyễn Văn Châu - Trưởng ấp Trùm Thuật, xã Khánh Hải, huyện Trần Văn Thời, xác định anh U và chị M có đăng ký thường trú tại ấp Trùm Thuật, xã Khánh Hải, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Như vậy, thời điểm anh U và chị M mượn vàng của bà T và ông D thì anh U và chị M vẫn sinh sống tại ấp Trùm Thuật, xã Khánh Hải, huyện Trần Văn Thời, nhưng khi bị đơn rời khỏi địa phương thì không trình báo địa chỉ mới cho nguyên đơn biết là thuộc trường hợp “được coi là cố tình giấu địa chỉ”. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 40 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau vẫn thụ lý giải quyết vụ án và cần xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[2] Về quan hệ pháp luật: Được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Bà T và ông D khởi kiện yêu cầu anh U và chị M trả 36 chỉ vàng 24k; bà T và ông D có cung cấp cho Tòa án Tờ giao kèo ngày 07/9/2018 âl, thể hiện: Bên mượn vàng: Đặng Văn U, Hoàng Xuân M, Bên cho mượn: Phạm Thị T, Người chứng kiến: Trần Thị G. Quá trình giải quyết vụ án, anh U và chị M vắng mặt, nhưng tại Biên bản làm việc đối với Trần Thị G ngày 04/7/2022 (bút lục 53A), bà G xác định có chứng kiến việc anh U và chị M mượn và nhận của bà T và ông D 36 chỉ vàng 24k và bà có ký tên tại Tờ giao kèo ngày 07/9/2018 âl. Như vậy, đối chiếu tại khoản 1 Điều 91; Điều 93; khoản 4 Điều 94; khoản 5 Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, việc anh U và chị M có mượn bà T và ông D 36 chỉ vàng 24k là có thật. Do đó, cần chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh U và chị M có trách nhiệm liên đới trả cho bà T và ông D 36 chỉ vàng 24k, theo đề nghị của Viện kiểm sát là có cơ sở.

[4] Về án phí:

Buộc anh U và chị M phải nộp án phí dân sự có giá ngạch số tiền 9.324.000 đồng (36 chỉ vàng 24k x 5.180.000 đồng/chỉ = 186.480.000 đồng x 5%).

Bà T và ông D được nhận lại án phí số tiền 4.860.000 đồng tại lai 4681 ngày 18/4/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 6; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các điều 91, 93, 94, 95, 147; 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 40; các điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 2 Điều 27; các điều 30, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Luật thi hành án dân sự năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị T và ông Phan Văn D.

2/ Buộc bị đơn anh Đặng Văn U và chị Hoàng Xuân M có trách nhiệm liên đới trả cho bà Phạm Thị T và ông Phan Văn D 36 chỉ vàng 24k (bằng chữ: Ba mươi sáu chỉ vàng hai mươi bốn kara).

3/Về án phí:

Buộc anh Đặng Văn U và chị Hoàng Xuân M phải nộp án phí số tiền 9.324.000 (bằng chữ: Chín triệu ba trăm hai mươi bốn ngàn đồng – Chưa nộp).

Bà Phạm Thị T và ông Phan Văn D được nhận lại án phí số tiền 4.860.000 đồng (bằng chữ: Bốn triệu tám trăm sáu mươi ngàn đồng) tại lai 4681 ngày 18/4/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

4/ Về quyền kháng cáo:

Bà Phạm Thị T được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Phan Văn D, anh Đặng Văn U và chị Hoàng Xuân M được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

5/ “Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự (04b);
- VKSND H. Trần Văn Thời (01b);
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời (01b);
- Lưu hồ sơ vụ án (01b);
- Lưu án văn (01b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lâm Thành Quang